TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21-5-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Cường

2. Bà Nguyễn Anh Thư

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Lức.

Ngày 21 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 185/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 19/2018/QĐHPT-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị D, sinh năm 1956

Địa chỉ: ấp x, xã XY, huyện BL, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1962

Hộ khẩu thường trú: ấp x, xã XY, huyện BL, tỉnh Long An.

Địa chỉ cư trú: ấp x, xã NC, huyện BL, tỉnh Long An.

(Bà D có mặt và ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 05 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Đinh Thị D trình bày:

Do quen biết, được gia đình hai bên đồng ý nên bà D với ông Nguyễn Chí T đã xác lập quan hệ vợ chồng, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức vào ngày 23/11/1990. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại ấp 7, xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức cho đến nay.

Đời sống chung vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, nhưng đến đầu năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Từ khi sống ly thân, ông T thỉnh thoảng về nhà nhưng khi về thì hành hung bà D và các con, chứ không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm không còn, bà D yên cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà D với anh T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Diễm Phương, sinh năm 1991; Nguyễn Thị Diễm Hồng, sinh năm 1997; đã thành niên.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai ghi ngày 11/4/2018, bị đơn ông Nguyễn Chí T trình bày:

Ông T thống nhất với lời trình bày của bà D về quá trình xác lập quan hệ vợ chồng, thủ tục đăng ký kết hôn, đời sống chung vợ chồng, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng trong công việc, vợ chồng có gây gổ, lời qua tiếng lại, nhưng không có mâu thuẫn gì lớn; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay, ông T đã nhiều lần về để gặp mặt bà D, hàn gắn nhưng bà D không đồng ý. Nay bà D yêu cầu ly hôn thì ông T không đồng ý vì thương vợ.

Về con chung: Ông T với bà D có 02 con chung tên Nguyễn Thị Diễm Phương, sinh năm 1991; Nguyễn Thị Diễm Hồng, sinh năm 1997; đã thành niên.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Toà án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà, bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông T vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Đinh Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Chí T. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là tranh chấp ly hôn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Chí T vắng mặt tại phiên toà nhưng đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt ông T.

[3] Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì các đương sự chỉ tranh chấp về tình cảm vợ chồng; con chung đã trưởng thành; không tranh chấp về tài sản chung và thừa nhận không có nợ chung. Căn cứ Khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[4] Bà D và ông T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An vào ngày 23/11/1990 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D với ông T là do bất đồng quan điểm về đời sống kinh tế và quan điểm sống nên thường xuyên cải vã; ông T dọn ra ngoài sống và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay; vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Nay bà D yêu cầu ly hôn thì ông T không đồng ý. Tại phiên toà, bà D kiên quyết xin được ly hôn với ông T vì không còn tình cảm với ông T. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà D với ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà D đối với ông T.

[5] Bà D và ông T đều thừa nhận có hai con chung tên Nguyễn Thị Diễm Phương, sinh năm 1991; Nguyễn Thị Diễm Hồng, sinh năm 1997; đều đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Các đương sự đều thừa nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Bà D có đơn xin miễn nộp tiền án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào Điều 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 53 và khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Đinh Thị D đối với ông Nguyễn Chí T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Chí T.

Về con chung: Bà D với ông T có hai con chung tên Nguyễn Thị Diễm Phương, sinh năm 1991; Nguyễn Thị Diễm Hồng, sinh năm 1997; đều đã thành niên.

Về án phí: Bà Dinh Thị D được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- UBND xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Phương